

Bản án số: 11/2020/DS-ST

Ngày: 26/3/2020

V/v “T/c Hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BA TRI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Rên

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Mai Thanh Toàn.
2. Ông Nguyễn Văn Tiến.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Phan Thị Kim Loan – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ba Tri – Bến Tre.

Ngày 26 tháng 3 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ba Tri xét xử sơ thẩm công KH vụ án thụ lý số: 288/2019/TLST-DS ngày 10/12/2019 về việc “*Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2020/QĐST - DS ngày 21 tháng 02 năm 2020 (Và Quyết định hoãn phiên Tòa số 02/2020/QĐST - DS ngày 09 tháng 03 năm 2020) giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn:* Bà Huỳnh Thị T, sinh năm 1972; Địa chỉ: Số 272/TP, ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Bến Tre.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Huỳnh Thị T là Luật sư Nguyễn Thị Ngọc P – Thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Bến Tre.

*2. Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị Bé H, sinh năm 1987; Địa chỉ: Số 073/TP, ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Bến Tre.

(Tất cả có mặt tại tòa)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện ngày 04/11/2019, trong quá trình tố tụng cũng như tại phiên tòa nguyên đơn bà Huỳnh Thị T trình bày:*

Do chỗ quen biết, trong năm 2019 âm lịch bị đơn bà Nguyễn Thị Bé H có vay nhiều lần tiền của nguyên đơn bà Huỳnh Thị T như sau: Ngày 24/4/2019 âm lịch vay 10.000.000đ, thỏa thuận trả 220.000đ/ngày, trả trong hạn 50 ngày; Ngày 28/4/2019 âm lịch vay 10.000.000đ, thỏa thuận trả 220.000đ/ngày, trả trong hạn 50 ngày; Ngày

02/5/2019 âm lịch vay 5.000.000 đồng, thỏa thuận trả 110.000đ/ngày, trả trong hạn 50 ngày; Ngày 06/5/2019 âm lịch vay 10.000.000 đồng, thỏa thuận trả 220.000đ/ngày, trả trong hạn 50 ngày; Ngày 08/5/2019 âm lịch vay 10.000.000 đồng, thỏa thuận trả 220.000đ/ngày, trả trong hạn 50 ngày; Ngày 10/5/2019 âm lịch vay 15.000.000 đồng, thỏa thuận trả 330.000đ/ngày, trả trong hạn 50 ngày; Mỗi lần vay tiền, bà Bé H là người nhận tiền vay trực tiếp, bà Bé H mượn em ruột là bà Nguyễn Thị Bé B ghi lại thời gian, số tiền mà bà Bé H vay (mượn) của bà T vào cùng 01 quyển sổ cho bà T quản lý; Các khoản tiền vay đôi bên đều thỏa thuận mức lãi suất 0,2%/ngày, thời hạn trả là 50 ngày nhưng không có ghi hai nội dung này vào quyển sổ bà T quản lý. Sau khi vay các khoản tiền nói trên, bà Bé H trả được cho bà T đầy đủ số tiền gốc, lãi theo thỏa thuận của từng lần vay đến ngày 16/5/2019 âm lịch thì ngưng không trả tiếp. Nhiều lần bà T yêu cầu bà H trả tiếp số tiền đã vay còn thiếu theo thỏa thuận nhưng bà Bé H không thực hiện. Vì vậy, bà T khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị Bé H trả tiếp cho bà T số tiền vay gốc còn thiếu là 44.160.000đ, ngoài ra không yêu cầu gì thêm.

*Tại Bản tự kH ngày 04/02/2020, biên bản hòa giải ngày 04/02/2020 trong quá trình tố tụng cũng như tại phiên tòa phía bị đơn bà Nguyễn Thị Bé H trình bày:*

Trên mối quan hệ quen biết, trong năm 2019 âm lịch bà Nguyễn Thị Bé H có vay các lần tiền của bà T như sau: Ngày 13/4/2019 âm lịch vay 10.000.000 đồng, lãi suất 0,2%/ngày, thỏa thuận trả trong vòng 50 ngày (tức trả 220.000đ/ngày); Ngày 24/4/2019 âm lịch vay 10.000.000đ, lãi suất 0,2%/ngày, thỏa thuận trả trong vòng 50 ngày; Ngày 28/4/2019 âm lịch vay 10.000.000đ, lãi suất 0,2%/ngày, thỏa thuận trả trong vòng 50 ngày; Ngày 06/5/2019 âm lịch vay 10.000.000đ, lãi suất 0,2%/ngày, thỏa thuận trả trong vòng 50 ngày; Ngày 10/5/2019 âm lịch vay 15.000.000đ, lãi suất 0,2%/ngày, thỏa thuận trả trong vòng 50 ngày; Mỗi lần vay tiền bà Bé H là người nhận tiền vay trực tiếp, bà Bé H mượn em ruột là bà Nguyễn Thị Bé Ba ghi lại thời gian, số tiền mà bà Bé H vay (mượn) của bà T vào quyển sổ cho bà T quản lý; Với mức lãi suất thỏa thuận 0,2%/ngày, sau khi vay các khoản tiền nói trên, bà Bé H trả được cho bà T đầy đủ số tiền gốc, lãi theo thỏa thuận của từng lần vay đến ngày 16/5/2019 âm lịch, vì hoàn cảnh khó khăn nên từ đó đến nay bà Bé H chưa trả dứt các khoản tiền vay còn nợ cho bà T theo thỏa thuận; Riêng 02 khoản vay theo trình bày của bà T là vào ngày 02/5/2019 âm lịch bà T cho bà H vay 5.000.000đ, thỏa thuận trả 110.000đ/ngày và ngày 08/5/2019 âm lịch bà T cho bà H vay 10.000.000đ, thỏa thuận trả 220.000đ/ngày là hoàn toàn bà H không có vay 02 khoản tiền này, bà H không có nhờ người khác (kể cả bà Nguyễn Thị Bé B) vay hay viết dùm giấy nhận nợ. Nay bà T khởi kiện yêu cầu bà Bé H trả lại số tiền vay gốc còn thiếu là 44.160.000đ bà Bé H

không đồng ý; Bà Bé H đồng ý chịu trách nhiệm đối với số tiền trong các lần vay của ngày 24/4/2019 âm lịch, ngày 28/4/2019 âm lịch, ngày 06/5/2019 âm lịch, ngày 10/5/2019 âm lịch hiện còn thiếu với số tiền tổng cộng là 32.460.000đ, đồng thời yêu cầu được trả dần số tiền 32.460.000đ mỗi tháng 500.000đ cho đến khi dứt nợ.

Riêng đối với số tiền ngày 13/4/2019 âm lịch bà T đã cho bà H vay 10.000.000đ, thỏa thuận trả 220.000đ/ngày (lãi suất 0,2%/ngày), trả trong vòng 50 ngày, bà Bé H trả tiền theo thỏa thuận cho bà T đến ngày 16/5/2019 âm lịch, còn thiếu bà T số tiền 3.740.000đ do bà T cho rằng không có cho bà H vay, không yêu cầu bà H phải trả nên bà H rút lại ý kiến trả bà T số tiền còn thiếu của khoản vay này.

Bà Thu, bà Bé H đều giữ quan điểm đã trình bày, đồng thời bà Thu, bà H đều không có yêu cầu bà Nguyễn Thị Bé B (hiện không có mặt tại huyện Ba Tri, không rõ địa chỉ cư trú) phải chịu trách nhiệm gì đối với các khoản tiền có liên quan trong vụ kiện này.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà T cho rằng lời trình bày của bà T là có thật, số tiền bà H trả cho bà T chưa vượt quá số tiền gốc bà T cho bà H vay, việc bà H không thừa nhận H lần vay tiền vào ngày 02/5/2019 âm lịch và ngày 08/5/2019 âm lịch cũng như xin trả dần số tiền gốc của 04 lần vay mà bà H thừa nhận thiếu bà T chỉ là những lời khai nại, trốn tránh trách nhiệm làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà T. Trên cơ sở đó, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà T đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà T.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Qua nghiên cứu toàn bộ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và thẩm tra công khai các chứng cứ tại phiên tòa, qua kết quả tranh luận, Hội đồng xét xử nhận định:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Huỳnh Thị T cũng như yêu cầu của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà T về việc yêu cầu Tòa án buộc bà Nguyễn Thị Bé H có trách nhiệm thanh toán số tiền nợ vay gốc còn thiếu là 44.160.000đ cho bà Thu, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[1] Nguyên đơn bà Huỳnh Thị T, bị đơn bà Nguyễn Thị Bé H thống nhất lời trình bày xác định:

Ngày 24/4/2019 âm lịch bà T cho bà Bé H vay 10.000.000đ, thỏa thuận trả 220.000đ/ngày (lãi suất 0,2%/ngày) trả trong vòng 50 ngày; Ngày 28/4/2019 âm lịch bà T cho bà Bé H vay 10.000.000đ, thỏa thuận trả 220.000đ/ngày trả trong vòng 50 ngày; Ngày 06/5/2019 âm lịch bà T cho bà Bé H vay 10.000.000đ, thỏa thuận trả 220.000đ/ngày, trả trong vòng 50 ngày; Ngày 10/5/2019 âm lịch bà T cho bà Bé H

vay 15.000.000đ, thỏa thuận trả 330.000đ/ngày trả trong vòng 50 ngày; Mỗi lần vay tiền bà Bé H là người nhận tiền vay trực tiếp, bà Bé H mượn em ruột là bà Nguyễn Thị Bé B ghi lại thời gian, số tiền mà bà Bé H vay (mượn) của bà T vào quyền sở hữu cho bà T quản lý; Với mức lãi suất thỏa thuận 0,2%/ngày, sau khi vay các khoản tiền nói trên, bà Bé H trả được cho bà T đầy đủ số tiền gốc, lãi theo thỏa thuận của từng lần vay đến ngày 16/5/2019 âm lịch với số tiền tổng cộng là 12.540.000đ. Như vậy, đối với số tiền gốc còn thiếu trong 04 khoản vay này, mặt dù biên nhận nợ vay tiền không phải do bà Bé H viết nhưng bà Bé H hoàn toàn thừa nhận có nhận tiền và mượn em ruột là bà Bé B viết dùm biên nhận nợ - Đây là những tình tiết nguyên đơn không phải chứng minh. Từ ngày 16/5/2019 âm lịch đến nay, số tiền gốc của 04 khoản vay trên là 32.460.000đ, bà Bé H chưa thanh toán được khoản nào cho bà T là ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp nên việc bà T khởi kiện yêu cầu bà Bé H có nghĩa vụ thanh toán tiếp số tiền 32.460.000đ cho bà T là có căn cứ, đúng theo quy định tại các Điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự; Việc bà Bé H đồng ý thanh toán tiền gốc bốn khoản vay nói trên nhưng xin thanh toán dần mỗi tháng 500.000đ cho đến khi dứt nợ không được bà T đồng ý và cũng không có quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[2] Đối với H khoản tiền bà T cho rằng đã cho bà H vay vào các ngày 02/5/2019 âm lịch (cho vay 5.000.000đ), ngày 08/5/2019 âm lịch (cho vay 10.000.000đ), yêu cầu bà H thanh toán tiếp số tiền còn thiếu là 11.700.000đ không được bà H thừa nhận, không có chứng cứ chứng minh nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[3] Ghi nhận trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa nguyên đơn, bị đơn không yêu cầu tính lại tiền lãi đối với số tiền chậm thanh toán theo thỏa thuận từ khi vay tiền đến nay.

[4] Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Bà Huỳnh Thị T, bà Nguyễn Thị Bé H có nghĩa vụ nộp theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Cụ thể bà H nộp số tiền án phí 5% x 32.460.000đ = 1.623.000đ; Bà T nộp 5% x 11.700.000đ = 585.000đ.

Vì các lẽ trên:

## **QUYẾT ĐỊNH**

Áp dụng các điều 357, 463, 466, 469 Bộ luật dân sự; điểm b khoản 1 Điều 688 Bộ luật dân sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Huỳnh Thị T về việc tranh chấp hợp đồng vay. Buộc bị đơn bà Nguyễn Thị Bé H có nghĩa vụ thanh toán cho bà Huỳnh Thị T số tiền nợ vay là 32.460.000đ (Ba mươi H triệu, bốn trăm sáu mươi ngàn đồng); Không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Huỳnh Thị T về việc yêu cầu bà Nguyễn Thị Bé H phải thanh toán số tiền 11.700.000đ (Mười một triệu bảy trăm ngàn đồng).

2. Không chấp nhận yêu cầu của bị đơn bà Nguyễn Thị Bé H về việc yêu cầu thanh toán dần cho nguyên đơn bà Huỳnh Thị T số tiền 32.460.000đ (Ba mươi H triệu, bốn trăm sáu mươi ngàn đồng) mỗi tháng 500.000đ (Năm trăm ngàn đồng) cho đến khi dứt nợ.

3. Kể từ khi án có hiệu lực pháp luật, có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

4. Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Buộc bị đơn bà Nguyễn Thị Bé H nộp số tiền án phí: 1.623.000đ (Một triệu sáu trăm H mươi ba ngàn đồng) tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ba Tri;

Bà Huỳnh Thị T phải nộp số tiền án phí là 585.000đ (Năm trăm tám mươi lăm ngàn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.126.500đ (Một triệu một trăm hai mươi sáu ngàn năm trăm đồng) theo biên lai thu tiền số 0006748 ngày 15/11/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ba Tri. Sau khi khấu trừ, bà T còn được nhận lại số tiền tạm ứng án phí còn dư là 541.500đ (Năm trăm bốn mươi một ngàn năm trăm đồng).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, để yêu cầu tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm.

**Nơi nhận:**

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện Ba Tri;
- THADS huyện Ba Tri;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

## **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Nguyễn Thị Rẻn**

